

## NGUYỄN KHUYẾN, NHÀ THƠ LỚN CỦA DÂN TỘC\*

VŨ KHIÊU

### I

Hôm nay các nhà khoa học của mọi miền đất nước về đây kỷ niệm 150 năm ngày sinh của một nhà thơ kiệt xuất ở ngay chính quê hương của Người.

Quê hương của Người, quê hương của những thế hệ anh hùng và nghệ sĩ đã từ đời này qua đời khác làm vẻ vang cho mảnh đất đã sinh ra mình.

Quê hương Người là quê hương đã tạo nên các triều đại rực rỡ: Đinh, Lê, Lý, Trần, đã góp phần hiển hách, đem lại độc lập và phồn vinh cho dân tộc.

Quê hương Người là quê hương của truyền thống văn hoá lâu đời, quê hương của những người trí thức đầy tâm huyết trước vận mệnh của Tổ quốc và của nhân dân.

Quê hương Người là quê hương từng dấy lên những cao trào cách mạng, quê hương của nhiều lãnh tụ và của đông đảo chiến sĩ đã nêu lên những tấm gương sáng ngời trong sự nghiệp giải phóng đất nước vừa qua và trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội hôm nay.

Quê hương ấy đã đóng góp gì vào thân thể và sự nghiệp của Nguyễn Khuyến và Nguyễn Khuyến đã làm gì để đền đáp quê hương?

Hội nghị khoa học sẽ phân tích và đánh giá lại Nguyễn Khuyến từ các mặt phẩm chất, tài năng và công hiến của ông.

Chúng ta đang ở vào thời điểm thích đáng nhất với những điều kiện thuận lợi nhất để cùng nhau trả món nợ tinh thần này đối với người đã khuất.

Đã 150 năm từ ngày Nguyễn Khuyến ra đời và trên 70 năm từ ngày ông mất. Lịch sử đã đẩy lùi khoảng cách giữa Nguyễn Khuyến với chúng ta. Thời gian như một dòng sông đã từng năm, từng năm làm lắng đọng trong lòng nó những gì vẩn đục, để hôm nay chúng ta có thể nhận ra ông với một cái nhìn trong sáng. Chủ nghĩa Mác đang trả lại cho ông những giá trị chân chính mà ông vốn có.

Xưa nay, người ta đã nói về ông rất nhiều, ngay từ lúc ông còn sống. Người ta bàn về một con người học giỏi, đỗ cao, làm quan to và để lại một di sản rất lớn về thơ phú. Đối với chúng ta, những điều đó chưa đủ để chê ông hoặc khẳng định về

\* Diễn văn của đồng chí Vũ Khiêu tại lễ kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Nguyễn Khuyến ngày 14-2-1985.

ông. Bao nhiêu trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, bao nhiêu thượng thư, tể tướng đã chìm trong bóng đêm tịch mịch của lịch sử. Bao nhiêu người đã để lại những thơ văn còn nhiều hơn ông nữa. Trên ba ngàn bài thơ của vua Tự Đức còn giữ lại trong Thư viện khoa học Trung ương, đã mấy ai đến đọc bao giờ.

Nhưng thơ ông thì khác. Hơn một thế kỷ trôi qua, bao người đã chép thơ ông bình thơ ông, thuộc thơ ông. Thơ ông không chỉ vang dội trong các tầng lớp tri thức đương thời. Thơ ông đã đi vào cuộc sống, đi vào nhân dân, tiếp tục gây xúc động đến mỗi người chúng ta hôm nay.

Trong dịp này, Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã cho ra mắt độc giả cuốn sách sưu tầm thơ rất công phu của đồng chí Nguyễn Văn Huyền ở Hội Văn học - Nghệ thuật Hà Nam Ninh.

Cho đến nay, đây là một tập sưu tầm đầy đủ nhất về thơ Nguyễn Khuyến. Đây là món quà của thế hệ hôm nay đặt trong lâu đài thơ của dân tộc và trên bàn thờ của Nguyễn Khuyến.

Thơ là bản thân con người. Giá trị của Nguyễn Khuyến sẽ nổi lên từ mỗi trang thơ mà ông để lại.

Chúng ta có thể từ nhiều góc độ nghiên cứu về thơ Nguyễn Khuyến và sắp xếp những thơ ấy theo một hệ thống mà mỗi người tự lựa chọn. Xét về nội dung. Nguyễn Khuyến làm thơ về thiên nhiên, làm thơ về xã hội về bản thân mình.

Ông làm thơ về thiên nhiên và thiên nhiên đã hiện ra với muôn màu sắc gắn bó thân thiết với con người. Mỗi bài thơ của ông là một bức tranh kỳ diệu.

Ông làm thơ về xã hội và muôn hiện tượng phong phú đã từ cuộc sống tràn ngập vào thơ ông. Mỗi bài thơ là một thái độ của ông về từng sự kiện, từng hành động của người đương thời.

Ông làm thơ về bản thân mình, và những chuyện riêng tư thầm kín của ông đã trở thành bất hủ. Thơ của ông hấp dẫn chúng ta, bởi nỗi vui buồn của ông là nỗi vui buồn của thời đại tâm tư ông là tâm tư của người tri thức gắn bó với nhân dân.

## II

Trong xã hội thời xưa, con đường của mọi người trí thức là con đường học giỏi, đỗ cao, làm quan, từ đó góp phần giúp dân giúp nước, hướng vào cái ảo vọng “tu tề trị bình” mà họ được nuôi dưỡng từ trong sách vở.

Nguyễn Khuyến cũng không thoát khỏi xu hướng ấy, và chúng ta cũng chẳng chê trách ông nếu như ông không chọn một con đường nào khác. Tú Xương thi hỏng đã cay cú như người ăn ớt. Nguyễn Công Trứ luôn luôn than thở cho phận nghèo khi chưa đỗ đạt. Cao Bá Quát trên con đường đi thi cũng tạ lại học trò rằng “ta không thể làm thế nào khác được”.

Gần ba mươi năm đọc sách với chín khoá lều chõng, ông đã đạt được nguyện vọng của mình: đỗ đầu cả thi hương, thi hội, thi đình.

Từ đó, cuộc đời làm quan đã mở ra trước mắt ông với hai chiều hướng mà Cao Bá Quát đã từng nêu lên: làm quan để áp bức bóc lột nhân dân hay làm quan để chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân?

Tài liệu để lại cho chúng ta thấy không có điều gì đáng chê trách về Nguyễn Khuyến. Thơ văn ông sau này lại luôn luôn phê phán gay gắt đối với kẻ làm quan chỉ biết vơ vét tiền của.

Đối với các nhà nho trước đây còn có hai con đường: xuất và xử. Khi thuận lợi thì ở lại làm quan. Khi không thuận lợi thì bỏ về dạy học, ở ẩn.

Bỏ về cũng có nhiều trường hợp khác nhau. Có khi do không thành đạt, buộc phải bỏ về. Cũng có cái bỏ về cao đẹp vì không thể thi thố tài năng, trong hoàn cảnh vua yếu tôi hèn. Đó là trường hợp của Chu Văn An, của Nguyễn Trãi, của Nguyễn Bình Khiêm bỏ về để ẩn dật. Đó là trường hợp của Cao Bá Quát bỏ về để thức tỉnh nhân dân chống lại triều đình.

Nguyễn Khuyến không thuộc những trường hợp xuất xử ấy.

Năm 1884, giặc Pháp đã đặt sự thống trị của chúng trên toàn bộ đất nước.

Nhiều tri thức Việt Nam đã giương cao ngọn cờ Cần Vương, kiên quyết bảo vệ Tổ quốc. Đó là những Tôn Thất Thuyết, Đặng Thái Thân, Phạm Văn Nghị, Nguyễn Thượng Hiền...

Nguyễn Khuyến lúc bấy giờ đã băn khoăn với tâm trạng đứng trước ngã ba đường. Ông không cam tâm hợp tác với giặc cũng như ông không đủ trí dũng để chiến đấu trong hàng ngũ Văn thân. Nỗi đau xót trước cảnh nước mất, dân nghèo đã thôi thúc ông bỏ quan để trở lại quê hương, sống giữa bà con thôn xóm. Trong bước ngoặt đau thương của Tổ quốc, ông đã tạo ra bước ngoặt cho bản thân mình. Đối với một vị đại khoa và đại thần như Nguyễn Khuyến, chúng ta không thể quá khe khắt. Rời bỏ một vị trí cực kỳ quyền quý để về làm bạn với những người rách rưới, nghèo khổ ở nông thôn là một việc làm cũng rất khó khăn và hiểm có:

*Chừ Láo bên người lên với tớ,*

*Ông Từ cuối xóm đến cùng ta.*

Trong xã hội thời xưa, với một vị tổng đốc thì chú Láo, ông Từ không dám ho trước cổng. Những cường hào hống hách một phương phải bỏ giày từ đằng xa. Và những quan phủ, quan huyện, những “phụ mẫu” của người dân phải lạy dưới thềm. Thế mà Nguyễn Khuyến đã xóa nhòa ranh giới xã hội giữa mình với nhân dân, trở về với nhân dân như một người thân thiết đang được mong chờ.

*Cổng reo trẻ đón: Ông về đó,*

*Gậy chống già chào: Bác đó a!*

Từ đây, ông sống nghèo khổ như bà con:

*Sớm trưa đưa muối cho qua bữa,*

*Chợ búa trâu chè chẳng dám mua.*

Từ đây, ông chan hoà với mọi người:

*Cách giậu mời ông hàng xóm chén,*

*Chuyện tràn thóc lúa với tầm tơ...*

*... Vải chín, bà hàng bưng quả biếu*

*Cá tươi, lão giậm nhắc nom chào.*

Sống nghèo khổ như nhân dân lao động, ông càng hiểu thêm họ, chia sẻ với họ mọi nỗi buồn vui. Ngược lại, chính nhân dân lao động đã tạo ra bước ngoặt lịch sử đối với ông. Chính nhân dân lao động đã đưa ông đến đỉnh cao tâm hồn và nghệ thuật.

## III

Nhân dân lao động đã giúp ông nhận thức nét tương phản hết sức sâu sắc trong đời sống xã hội, làm cho ông thấy rõ hơn nữa bộ mặt đê hèn của bọn cướp nước và bọn bán nước.

Giặc Pháp đã phá tung hệ thống giá trị của xã hội cũ, những giá trị mà chính ông từng theo đuổi. Bọn chúng đã:

*Khoét rỗng ruột gan trời đất cũ,*

*Phá tung phen giậu hạ di rồi.*

Ông cảm thấy đau khổ và tủi nhục trước cảnh quân thù tổ chức những “Hội Tây” để chúng reo cười trước cảnh thanh niên thi leo cột mỡ, thi liêm chào, thế mà có người còn cười vui được:

*Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu!*

Kẻ thù còn đó, ông không còn an tâm ngồi đọc kinh Xuân Thu, giờ xem lịch Giáp Tý:

*Thói đời ngày một khác dần đi.*

Xung quanh ông toàn là những chuyện không còn luân thường đạo lý, toàn là những chuyện:

*Lòng tham không chán, cá ăn cá*

*Cùng giống tranh nhau, tre trói tre.*

Ông vẫn giữ một tấm lòng kính trọng nhà vua của ông, nhưng vua quan ngày nay đã trở thành một lũ vè nhỏ, bôi hề, làm tay sai cho giặc:

*Vua chèo còn chẳng ra gì,*

*Quan chèo vai nhỏ khác chi thằng hề!*

Lúc này trời đất đã thuộc về bọn bạch quỷ, bọn vua quan cũng như cô Tư Hồng, như ông đốc học Hà Nam đều là những phường “vợ bọm chồng quan” đều là những bọn làm đi cho giặc cả mà thôi.

*Chỉ cốt túi mình cho nặng chặt,*

*Trăm năm mặc kệ tiếng khen chê.*

Đối với những bạn nhà nho của mình, ông hoan nghênh ông Thương Xuân Trường, ông Doãn Trực Định đã như ông bỏ quan trở về. Ông đã không vui gì chính con ông sau khi thi đỗ cũng nhận chức làm quan. Ông lên án những bọn “bia xanh bảng vàng” không biết giữ phẩm giá của mình, những kẻ “nghênh ngang võng lọng nhờ công sứ”.

Ông mắng cho chú huyện Thanh Liêm đã tham những xấu xa, lại giờ trò thi thơ Bò Tiên:

*Bò chức miệng dân chùng bật cạp,*

*Tiên là ý chí muốn vùi xu.*

Chính sách của bọn thống trị ngày một hà khắc. Các thứ thuế ngày một nặng, các điều cấm kỵ ngày một nhiều. Chỉ còn không cấm nôi con ếch kêu ngoài ruộng và còn không đánh thuế được cái say rượu của ông mà thôi.

Trong hoàn cảnh đó, ông càng gần gũi hơn nữa với lao động và sinh hoạt hàng ngày của nhân dân. Ông cùng với nhân dân lo lắng mỗi khi nắng hạn, mưa dầm. Ông xót xa trước cảnh lúa bị chìm trong nước lũ hoặc mạ bị cháy khô ngoài đồng. Ông thông cảm với đời sống vất vả của nhân dân, theo dõi giá cả của một mớ rau, đấu gạo. Ông chia sẻ với nhân dân nỗi gian nan những khi mất mùa, đói kém:

*Máy năm cày cấy vẫn chân thua*

*Chiêm mát đằng chiêm, mùa mất mùa.*

*Phần thuế quan Tây, phần trả nợ...*

Trong lúc ngoài xã hội thì “mùa mất, dân nghèo; đời nhiều nường”, thì ở ông cũng “tuổi nhiều, nhà bán, thân đau ốm”. Trong cảnh “cháo rau không đủ”, ông càng cảm cảnh cho những người đói rét phải đi ăn mày. Chẳng lẽ chính mình cũng vác bị đi xin bởi cảnh ngộ của ông cũng chẳng hơn gì cảnh ngộ của ăn mày.

Sự chan hòa của ông vào đời sống của nhân dân khiến cho chúng ta hiểu vì sao hầu như mọi nhân vật của xóm làng đều được nhắc tới trong thơ ông: từ ông Bảng Lọng, cụ Hậu Cẩm, cô Tư Hồng cho đến cụ Tổng, thầy Nhang. ông lý, ông lang. ông sư bà vải, thầy bói, cô đồng. chú tiểu, anh hàng gà, hàng thịt, thợ rèn, thợ nhuộm, người thổi kèn, người hoạn lợn, người thầu khoán, chị gái già, anh góa vợ....

Sống giữa nhân dân khiến ông càng gần gũi mật thiết với cây cối, hoa quả và những con vật hàng ngày của nông thôn. Chúng ta hiểu vì sao trong thơ ông ít thấy những cây ngô đồng, cây hải đường, cây trà mi, cây quỳnh, cây giao, mà chỉ thấy tràn ngập những rau muống, rau cải, rau mùng toi, quả na, quả vải, quả cau, quả bầu, hoa mướp, hoa cà, hoa lau, hoa dâm bụt...

Người ta cũng ít thấy trong thơ ông những phượng hoàng, kỳ lân, hoàng anh, hoàng hạc, mà chỉ thấy con chó, con mèo, con trâu, con lợn. con dê, con cóc, con cú, con ếch, con cò, con ngỗng, con thiêu thân, con chuồn chuồn. con ba ba, con chim cắt, con ve. con nhặng, con muỗi ..

Cuộc sống nông thôn hầu như đã xoá đi ở ông những dấu vết của cung điện đài các, những gác tía lầu son, để cho tâm hồn ông nổi lên trong sáng lạ thường giữa không khí yên lành đầm ấm và giản dị của nông thôn Việt Nam.

#### IV

Bước ngoặt trong cuộc đời Nguyễn Khuyên cũng là bước ngoặt trong sự nghiệp thơ văn của ông. Cho đến nay, chúng ta chưa sưu tầm được bao nhiêu thơ văn của ông trước năm ông về nghỉ. Tôi nghĩ rằng thơ văn đó có phát hiện thêm cũng chưa chắc đã thực là hay. Tài năng và kỹ xảo chưa đủ để tạo nên một nhà thơ lớn. Cái quyết định giá trị của thơ ca trước hết là tâm hồn và tư tưởng của nhà thơ. Với trình độ uyên bác, với ba mươi năm trau chuốt dồi mài, Nguyễn Khuyên nhiều lắm cũng có

thể tạo ra những bài thơ trang nghiêm như Bà huyện Thanh Quan, uyên chuyên Chu Mạnh Trinh, kiêu mạn như Nguyễn Công Trứ...

Ông không thể đạt tới bản thân ông, nếu như bước ngoặt lịch sử đã không ra sức biến đổi căn bản ở ông về cả cuộc sống lẫn tâm hồn.

Ông đã viết những bài thơ rất đẹp về thiên nhiên, nhất là thơ viết về mùa thu Màu xanh biếc của bầu trời, lá vàng bay trước gió, cái yên tĩnh của sông hồ, tiếng sáo diều trên không đã làm lắng dịu tâm hồn ông. Ở ông, thiên nhiên đã đẹp lên gấp mấy lần, bởi nó là nhu cầu của ông, là khát vọng của trái tim ông đang cháy bỏng những tâm tư về đất nước ông, nhân dân ông, thời thế ông...

Qua những bài thơ đầu về cảnh sắc của quê hương, thiên nhiên chỉ mới điểm lệ và trang nghiêm như người bạn quý. Cuộc sống ở nông thôn đã tạo cho ông cái nhìn mới về thiên nhiên khiến cho mỗi cảnh, mỗi vật quanh ông đều trở nên thân thiết. Thiên nhiên trở thành người bạn tâm tình của ông:

*Mấy giò trước giậu hoa năm ngoái,*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*

Con ngỗng gọi riêng ông từ lưng trời và hoa thì thầm với ông những chuyện riêng tư từ ngày “năm ngoái”.

Cuộc sống chan hoà với những người lao động ở bên ông đã giúp ông phát hiện ra những nét thân thương, từ cỏ cây hoa lá, từ những cảnh, những vật trong cuộc sống hàng ngày. Không phải cứ sự vật nào, hiện tượng nào của cuộc sống cũng có thể đưa được vào thơ và trở thành thơ, nếu như sự vật ấy, hiện tượng ấy không phải là một tín hiệu kêu gọi và hấp dẫn đối với ông và những người đồng cảm của ông. Thiên nhiên trong thơ ông không phải là toàn bộ ngôn ngữ những vật vô tri vô giác, mà chính là một thế giới kỳ diệu trong đó mỗi vật nói lên tiếng nói của nó về cuộc sống của ông, về tình cảm của ông đối với bà con, về chiều sâu của chính tâm hồn ông.

Người ta nói về tiếng cười trong thơ của ông, tiếng cười ấy quả thật hết sức phong phú cả về nội dung lẫn hình thức. Có tiếng cười vạch ra bộ mặt ghê tởm và xấu xa của bọn bạch quỷ cướp nước. Có tiếng cười lên án sâu cay những bọn sâu mọt của nhân dân dưới cái vỏ “áo tía đai vàng”. Có tiếng cười thân mật đùa vui trước những cái chưa được hài hoà trong cuộc sống. Cái hài là phạm trù cơ bản trong quan hệ thẩm mỹ và cái cười chân chính bao giờ cũng là biểu hiện của một tâm hồn cao quý, đứng từ đỉnh cao của phẩm chất con người mà nhìn xuống những cái xấu xa, đen bạc, giả dối của xã hội. Cái cười của Nguyễn Khuyến không chỉ phản ánh những cái mà ông đã kích, mà thực ra nó phản ánh cái cao đẹp của bản thân ông và của chính những người đã cất lên tiếng cười ấy.

Thơ ông chính là bản thân ông. Đằng sau bức tranh thiên nhiên và xã hội mà ông vẽ lên có con người ông ở đó. Mối quan hệ tuy hai mà một giữa ông với phổng đá, giữa ông với mẹ Mốc, với người già điếc: “Biết đâu lão đây ta đây một người”, “Nói cười trước mặt gieo châu vắng người”, phải chăng cũng chính là tâm trạng của ông, mỗi lần ông mô tả vẻ đẹp của thiên nhiên, hay cười cái đáng cười ở ngoài xã hội.

Khi ông trở về với bản thân mình thì nỗi cô đơn và niềm uất hận lại đến với ông. Đã có mấy đêm mà ông ngủ được:

*Bảng lảng lòng quê khôn chợp mắt*

*Tâm sự này ai có biết chẳng?*

Ai biết cho ông, nếu như không đọc kỹ những câu thơ, những bài thơ ông đã viết:

*Nghĩ đến bút nghiên giàn nước mắt,*

*Tránh nhìn sông núi xiết buồn đau.*

Buồn đau nhất chính là mỗi lần nghĩ tới bao nhiêu năm học tập mà ngày nay chẳng làm được gì để giúp nước:

*Nghĩ mình lại góm cho mình nhĩ,*

*Thế cũng bia xanh cũng báng vàng.*

Ông muốn uống rượu say cho quên đi mọi sự ở trên đời:

*Đừng trách bên song say khướt mãi*

*Không say thì tỉnh với ai mà?*

Sự bế tắc của cuộc sống nhiều lúc đã khiến ông suy nghĩ: “Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa, Thử xem trời mãi thế này ư? Nhưng rồi ông lại muốn chết đi cho rảnh: “Sống theo học cũ ích gì, Tắm thân già yếu chết thì cũng nên”! Không còn hy vọng gì đối với chính cuộc đời của mình nữa, ông tưởng đến ngày mai. Có thể “ngày mai sẽ thái bình”. Có thể “kiếp sau đời sẽ đổi khác”, và “kiếp sau ta sẽ là ai nhi...”, “nghìn năm sau ta sẽ là ai”, chắc lúc đó “cảnh khói mây sông nước sẽ vô cùng kỳ lạ”.

Những bài thơ sâu sắc nhất chính là những bài ông viết về bản thân ông, những bài thơ ông đã rơi lệ mà viết ra và cũng đã làm rơi lệ người khác.

Không phải bất cứ tâm sự nào cũng đưa được vào thơ và trở thành thơ. Mọi người trí thức chân chính trong hoàn cảnh như ông cũng không thể có một tâm sự nào khác. Chính vì thế là nỗi buồn của ông không còn phải của riêng ông, mà đã trở thành một hiện tượng thẩm mỹ xúc động lòng người. Giá trị thơ của ông không chỉ ở tính hiện thực của nó, mà còn vì tính hiện thực ấy đã được đưa vào thơ qua ngọn bút diệu kỳ của một tâm hồn nghệ sĩ.

## V

Lịch sử sẽ rất công minh đối với những người đã khuất và sẽ trân trọng mọi giá trị vật chất và tinh thần mà họ để lại cho đời sau.

Kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Nguyễn Khuyển, chúng ta không chỉ đến đây để tưởng nhớ và ngưỡng mộ ông, mà còn tiếp thu ở ông một nguồn sinh lực cho chính sự nghiệp của chúng ta hôm nay.

1. Nguyễn Khuyển là một đỉnh cao trong lâu đài văn hóa của dân tộc và của quê hương. Đã từ lâu đời, cứ ba năm một lần, chế độ phong kiến Việt Nam lại mở



khoa thi hương ở hai trường Hà Nội và Nam Định. Mảnh đất Hà Nam Ninh này từng là nơi thường xuyên đào tạo nhân tài cho đất nước, luôn luôn cổ vũ việc học hành và xây dựng thuần phong mỹ tục.

Nguyễn Khuyến đã tiếp thu truyền thống ấy của quê hương, phát huy cao nhất trí tuệ và tài năng, quyết tâm học rộng biết nhiều, đạt tới mục tiêu cao nhất của người trí thức.

Ngày nay, trong điều kiện nhân dân làm chủ đất nước, học tập là nhiệm vụ của mọi người. Vươn tới đỉnh cao của khoa học là mục tiêu trước mắt của nhân dân ta. Nguyễn Khuyến phải tiếp tục là tấm gương cổ vũ mọi người, vượt mọi khó khăn để rèn luyện mình về mọi mặt: phẩm chất, trí tuệ và tài năng, đáp ứng với yêu cầu cấp thiết của đất nước chúng ta.

2. Trong hoàn cảnh còn khó khăn, chưa có mưu lược gì để cứu nước cứu dân Nguyễn Khuyến ít nhất đã biết giữ gìn những phẩm chất cao đẹp của người trí thức Việt Nam, ông hoà vào nhân dân lao động, tách mình ra khỏi cuộc sống xấu xa của những kẻ cam tâm hợp tác với giặc. Ông kiên quyết lựa chọn một cuộc sống trong lành chia sẻ với nhân dân sự nghèo túng và đói khổ.

Ngày nay, đất nước đang đi vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, với những nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang nhưng cũng vô cùng khó khăn và phức tạp. Trước tấm gương của Nguyễn Khuyến, chúng ta kiên quyết gạt bỏ những hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội, nêu cao một lối sống cao đẹp xứng đáng với truyền thống của dân tộc ta từ trước và đáp ứng được những yêu cầu của đất nước hôm nay.

3. Nguyễn Khuyến đã chỉ ra cho chúng ta con đường dẫn đến đỉnh cao của nghệ thuật. Thành công của người nghệ sĩ không thể chỉ dựa vào tài năng bẩm sinh, cũng không thể chỉ do rèn luyện kỹ xảo. Người nghệ sĩ chỉ có thể tạo ra những tác phẩm xứng đáng với thời đại của mình khi họ đứng ở đỉnh cao của thời đại mà suy nghĩ về hạnh phúc của nhân dân, về tương lai của nhân loại, về số phận của con người. Những tư tưởng lớn lao của nghệ thuật luôn luôn bắt nguồn từ cuộc sống lao động và chiến đấu của nhân dân.

Chê độ làm chủ tập thể đang mở ra một giai đoạn mới của đất nước, và cũng từ đó mở ra giai đoạn mới của nghệ thuật. Nghệ thuật Việt Nam đang gắn liền với cuộc sống phong phú của một xã hội trong đó nhân dân đã làm chủ vận mệnh của đất nước và của bản thân. Chính vì thế mà nghệ thuật của chúng ta đang đứng trước những triển vọng chưa từng có trong lịch sử.

4. Nguyễn Khuyến không chỉ để lại cho chúng ta một tập thơ tuyệt tác, mà còn gửi vào đó mọi tâm tư và ước vọng của ông. Cuộc sống thanh bình trên đất nước, hạnh phúc của nhân dân, đó là điều mong mỏi cao nhất của Nguyễn Khuyến.

Là những người đồng hương của Nguyễn Khuyến, chúng ta quyết tâm thực hiện ước mơ cao đẹp ấy của ông ở chính ngay quê hương ông, góp phần thực hiện ước mơ ấy trên toàn bộ đất nước.

Là những người nghiên cứu khoa học, chúng ta sẽ tranh thủ dịp này để cùng nhau bàn bạc về ông, để tiếp thu cao nhất những giá trị tinh thần mà ông để lại.

Với ý nghĩa ấy, chúng ta tưởng niệm ông hôm nay và ông sẽ mãi mãi là nhà thơ rất vĩ đại của dân tộc.